

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chính sách hỗ trợ đối với học sinh trường trung học phổ thông chuyên thuộc tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên;

Xét Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ đối với học sinh trường trung học phổ thông chuyên thuộc tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ đối với học sinh trường trung học phổ thông chuyên thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ đối với học sinh trường trung học phổ thông chuyên thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Học sinh đang học lớp chuyên tại các trường trung học phổ thông chuyên thuộc tỉnh Quảng Ngãi;

b) Các trường trung học phổ thông chuyên thuộc tỉnh Quảng Ngãi;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ chi phí học tập thường xuyên

a) Hỗ trợ 1.300.000 đồng/học sinh/tháng cho các đối tượng: Học sinh thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ; học sinh là con của người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ; học sinh thường trú ở thôn, xã đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành, Đặc khu Lý Sơn; học sinh là người dân tộc thiểu số; học sinh là người khuyết tật.

b) Hỗ trợ 600.000 đồng/học sinh/tháng cho đối tượng còn lại.

c) Thời gian hỗ trợ: Thời gian cấp vào đầu mỗi tháng học, theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/năm học/học sinh.

2. Hỗ trợ học bổng khuyến khích học tập

Học sinh có kết quả rèn luyện tốt, kết quả học tập tốt trong kỳ xét, cấp học bổng và có điểm môn chuyên của học kỳ xét, cấp từ 8,5 trở lên được hưởng mức học bổng cấp cho một học sinh một tháng bằng ba lần mức học phí hiện hành cho trường trung học phổ thông công lập do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trên cùng địa bàn.

Thời gian hỗ trợ: Học bổng được cấp sau khi có kết quả học tập theo từng học kỳ và cấp 9 tháng trong năm học.

3. Ngoài học bổng quy định tại khoản 2 Điều này, học sinh có kết quả rèn luyện tốt, kết quả học tập tốt trong kỳ xét, cấp được hỗ trợ thêm học bổng khuyến khích học tập nếu đạt tiêu chuẩn sau:

a) Đạt giải ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh hoặc đạt giải ba trong cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh của năm học đó, được hưởng mức học bổng cấp cho một học sinh một tháng bằng một lần mức học phí hiện hành cho trường trung học phổ thông công lập do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trên cùng địa bàn.

b) Đạt từ giải nhì trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh hoặc đạt từ giải nhì trở lên trong cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh của năm học đó, được hưởng mức học bổng cấp cho một học sinh một tháng bằng hai lần mức học phí hiện hành cho trường trung học phổ thông công lập do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trên cùng địa bàn.

c) Là thành viên đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia được hưởng mức học bổng cấp cho một học sinh một tháng bằng ba lần mức học phí hiện hành cho trường trung học phổ thông công lập do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trên cùng địa bàn.

d) Học sinh đồng thời đạt tiêu chuẩn hỗ trợ thêm học bổng tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này thì chỉ được nhận mức hỗ trợ học bổng cao nhất.

đ) Thời gian hỗ trợ: Học bổng được cấp theo từng học kỳ, được nhận một lần vào cuối mỗi học kỳ và cấp 9 tháng trong năm học.

4. Hỗ trợ chỗ ở

Học sinh có nơi cư trú (nhà ở) cách trường từ 10 km trở lên thì được ở ký túc xá miễn phí, ưu tiên những học sinh ở xa. Trường hợp ký túc xá không còn đủ chỗ thì học sinh có nhà ở cách trường từ 10 km trở lên được hỗ trợ tiền thuê chỗ ở hàng tháng 500.000 đồng/học sinh/tháng.

Thời gian hỗ trợ: Tiền hỗ trợ được cấp theo từng học kỳ, hưởng không quá 9 tháng/năm học.

5. Học sinh thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Điều 2 Nghị quyết này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Nghị quyết số 38/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định một số chính sách hỗ trợ đối với học sinh Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Khiết, tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường và đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT, Cthđnd.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Tuy

